TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST
Ngày: 23/8/2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2017/TLST – DS ngày 09 tháng 6 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B.**

Địa chỉ: Đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn M.L** - sinh năm 1960, Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B.

Địa chỉ: Đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Võ Q.T** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Tăng Th.Q** - sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông L và anh Th có mặt tại phiên tòa; Chị Q có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017 Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B (Công ty) yêu cầu anh Võ Q.T và chị Tăng Th.Q trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu với nợ gốc là 376.881.000đ và lãi suất tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017 là 117.432.000đ.

Ngoài yêu cầu tại đơn khởi kiện người đại diện của Công ty còn xác định: Trong số tiền nợ 376.881.000đ có số tiền nợ củ năm 2014 chuyển qua là 273.456.000đ và nợ của năm 2015 là 103.425.000đ. Cụ thể:

Năm 2015 thì nợ của năm 2014 của anh Th mang sang năm 2105 là 377.956.000đ, anh Th mua mới tại Hợp đồng số 50 ngày 01 tháng 4 năm 2015 số tiền nợ 103.425.000đ. Trong năm 2015 anh Th trả được số tiền 97.000.000đ, nên nợ năm 2014 chuyển qua còn 280.956.000đ và nợ của năm 2015 là 103.425.000đ. Tổng nợ năm 2015 chuyển sang 2016 là 384.381.000đ. Trong năm 2016 anh Th trả số tiền nợ gốc 7.500.000đ, nên còn nợ của năm 2014 là 273.456.000đ và nợ của năm 2015 là 103.425.000đ. Tổng nợ đến 31/12/2016 là 376.881.000đ.

Về lãi suất:

+ Lãi quá hạn được tính từ ngày 01/4/2015 đến 07/5/2015: Tiền nợ gốc 377.956.000đ - trả nợ từ 02 tháng 01 năm 2015 đến 06 tháng 5 năm 2015 là 78.000.000đ = nợ phải tính lãi suất là 299.956.000đ x 14,4%/năm, 37 ngày thì lãi suất là 4.439.000đ.

+ Lãi quá hạn được tính từ ngày 08/5/2015 đến ngày 31/12/2015: Tiền nợ gốc 299.956.000đ + nợ năm 2015 103.2425.000đ. Nợ phải tính lãi là 403.381.000đ, anh Th trả từ ngày 13/5/205 đến ngày 30/9/2015 số tiền 19.000.000đ, nợ phải tính lãi là 384.381.000đ x 14,4%/năm, lãi suất của 232 ngày là 35.670.000đ.

+ Lãi quá hạn được tính từ ngày ngày 01/01/2016 đến ngày 25/4/2016: Nợ năm 2015 chuyển sang năm 2016 là 384.381.000đ, anh Th trả từ ngày 01/01/2016 đến 25/4/2016 số tiền 7.500.000đ. Nợ phải tính lãi là 376.881.000đ x 14,4%/năm, lãi suất của 115 ngày = 17.336.000đ.

+ Lãi quá hạn được tính từ ngày ngày 26/4/2016 đến 31/12/2106 đối với số tiền 376.881.000đ x 14,4%/năm, lãi suất của 244 ngày là 36.783.000đ.

+ Lãi quá hạn được tính từ ngày ngày 01/01/2017 đến ngày 07/6/2017 đối với số tiền 376.881.000đ x 14,4%/năm, lãi suất của 157 ngày là 23.668.000đ.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu đối với chị Tăng Th.Q và rút yêu cầu một phần về lãi suất là yêu cầu anh Võ Q.T trả cho Công ty nợ gốc là 376.881.000đ và lãi suất từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017 với mức lãi suất là 1,2%/tháng.

* Bị đơn anh Võ Q.T Th nhất với trình bày của Công ty, thừa nhận đây là nợ riêng của anh Th, đồng ý trả nợ gốc là 376.881.000đ, không đồng ý trả lãi suất vì hiện tại Doanh nghiệp của anh Th không còn hoạt động.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B đối với chị Tăng Th.Q và một phần về lãi suất, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B, buộc anh Võ Q.T trả cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu với số tiền nợ gốc là 376.881.000đ và lãi suất tình từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017 là 113.457.000đ, ngoài ra anh Th còn phải chịu tiền lãi nợ quá hạn tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2017 đến khi trả xong nợ cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Các đương sự trình bày Th nhất: Anh Th có ký hợp đồng mua vật tư nông nghiệp với Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B nhiều lần với thỏa thuận nợ chậm trả từ 1,2%/tháng đến 1,5%/tháng. Cụ thể:

+ Nợ cuối năm 2014 chuyển qua năm 2015 với nợ gốc là 377.956.000đ, nợ của năm 2015 mua mới ngày 01/4/2025 là 103.425.000đ, trong năm 2015 anh Th trả được số tiền 97.000.000đ.

+ Nợ củ năm 2015 chuyển sang năm 2016 là 384.381.000đ (Nợ của 2014 còn 280.956.000đ và nợ của năm 2015 là 103.425.000đ). Trong năm 2016 anh Th trả được số tiền 7.500.000đ.

+ Hiện tại còn nợ gốc là 376.881.000đ (Nợ củ chuyển là 273.456.000đ và nợ năm 2015 là 103.425.000đ).

- Anh Th thừa nhận đây là nợ riêng của anh Th và anh Th đồng ý trả nợ gốc cho Công ty là 376.881.000đ, thừa nhận lãi suất như thỏa thuận nhưng không đồng ý trả tiền lãi suất với lý do người dân mua thiếu vật tư nông nghiệp của anh Th bị thất mùa không trả tiền vật tư nông nghiệp cho Doanh nghiệp của anh Th, dẫn đến Doanh nghiệp của anh Th khủng hoảng về kinh tế và hiện tại không còn hoạt động, nên không có khả năng trả tiền lãi suất cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B khởi kiện yêu cầu anh Th và chị Q trả nợ mua thiếu vật tư nông nghiệp, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Q có đơn yêu cầu vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn Th nhất hai bên có ký nhiều hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp với nhau, với nữa lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận từ 1,2% đến 1,5%/tháng, Th nhất được anh Th còn nợ Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B số tiền nợ gốc là 376.881.000đ (Nợ của năm 2014 chuyển qua là 273.456.000đ và nợ của hợp đồng ngày 01/4/2015 là 103.425.000đ). Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc anh Th có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Mặt khác, anh Th cũng thừa nhận đây là nợ riêng của anh Th và phía nguyên đơn cũng rút một phần yêu cầu đối với chị Tăng Th.Q. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với chị Q, chấp nhận phần yêu cầu còn lại buộc anh Th có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 376.881.000đ.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi suất: Anh Th thừa nhận khi ký hợp đồng mua vật tư nông nghiệp với Công ty các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả tiền từ 1,2% đến 1,5%/tháng. Thực tế anh Th có chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, nên việc Công ty yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,2%/tháng là phù hợp với thỏa thuận của các bên, thỏa thuận về lãi suất của các đương sự cũng phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thỏa thuận. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất chậm trả nợ của Công ty đối với anh Th. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 08/5/2015 đến ngày 07/6/2017 và lãi suất phát sinh từ ngà 08/6/2017 đến khi anh Th trả xong nợ, đây là sự tự nguyện của Công ty nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217 và 218 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu về lãi suất và chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất còn lại của Công ty.

[5] Phần lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 lãi suất trên nợ gốc (384.381.000đ x 14,4%/năm) X 232 ngày = 35.670.000đ.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 25 tháng 4 năm 2016 lãi suất trên nợ gốc (376.881.000đ x 14,4%/năm) X 115 ngày = 17.336.000đ.

- Từ ngày 26 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 lãi suất trên nợ gốc (376.881.000đ x 14,4%/năm) X 244 ngày = 36783.000đ.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017 lãi suất trên nợ gốc (376.881.000đ x 14,4%/năm) X 157 ngày = 23.668.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi suất từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017 là 113.457.000đ.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ buộc anh

Võ Q.T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B số tiền gốc là 376.881.000đ và lãi suất từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 6 năm 2016 là 113.457.000đ, anh Th còn phải trả lãi suất với mức lãi suất 1,2%/tháng đối với nợ gốc kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2017 đến khi trả xong nợ.

[8] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do Công ty được chấp nhận yêu cầu, nên Công ty không phải chịu án phí. Công ty đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.886.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009867 ngày 09 tháng 6 năm 2017, nên Công ty được nhận lại số tiền 11.886.000đ.

- Do anh Th và Công ty đã thỏa thuận được việc trả nợ gốc trước khi mở phiên tòa, nên anh Th chỉ phải chịu 2,5% án phí đối với số tiền nợ gốc là (2,5% x 376.881.000đ = 9.422.000đ) và anh Th phải chịu 5% án phí đối với số tiền lãi suất là (113.457.000đ x 5% = 5.672.000đ). Tổng số tiền án phí anh Th phải chịu là 15.094.000đ, do anh Th có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V là anh Th đang gặp khó khăn về kinh tế, nên anh Th được miễn 50% án phí phải chịu, anh Th phải nộp số tiền án phí còn lại là 7.547.000đ.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 428 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B đối với chị Tăng Th.Q và đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B về lãi suất.

2. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B. Buộc anh Võ Q.T trả cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B số tiền nợ gốc là 376.881.000đ, lãi suất nợ quá hạn là 1,2%/tháng với số tiền lãi tính từ ngày 08/5/2015 đến ngày 07/6/2017 là 113.457.000đ. Anh Th phải chịu lãi suất chậm trả nợ là 1,2%/tháng đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2017 đến khi trả xong nợ cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

Anh Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 7.547.000đ.

Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B không phải chịu án phí. Công ty đã nộp số tiền tạm ứng án phí 11.886.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009867 ngày 09 tháng 6 năm 2017, nên Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp B được nhận lại số tiền 11.886.000đ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.